**Phí Lệ phí giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của**

**Sở Khoa học và Công nghệ**

| **Stt** | **Tên thủ tục hành chính** | **Phí** | **Lệ phí** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ** | | |
|  | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ | 3.000.000 đồng | Không |
|  | Thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ | - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ: 1.000.000 đồng.  - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ: 1.000.000 đồng.  - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ: 1.500.000 đồng.  - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức khoa học và công nghệ: 1.500.000 đồng.  - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức khoa học và công nghệ: 1.000.000 Đồng.  - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ: 2.000.000 đồng. | Không |
|  | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ | 1.000.000 đồng. | Không |
|  | Thủ tục cấp giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | 3.000.000 đồng. | Không |
|  | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | 1.000.000 đồng | Không |
|  | Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | - Đối với trường hợp trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.  - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.500.000 đồng.  - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.  - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.  - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh: 2.000.000 đồng. | Không |
|  | Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh | Không | Không |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp. | không | không |
|  | Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp | không | không |
|  | Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | không | không |
|  | Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước | không | không |
|  | Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. | không | không |
|  | Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. | không | không |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng | không |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng. | Không |
|  | Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tự nghiên cứu | không | không |
|  | Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (cấp tỉnh) | không | không |
|  | Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến (cấp tỉnh) | không | không |
|  | Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (cấp tỉnh) | không | không |
|  | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ (cấp tỉnh) | không | không |
|  | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ (cấp tỉnh) | không | không |
|  | Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (cấp tỉnh) | không | không |
|  | Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước | không | không |
|  | Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ | không | không |
|  | Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác | không | không |
|  | Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước | không | không |
|  | Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ | không | không |
| **II** | **Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ** |  |  |
|  | Thủ tục cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ | không | không |
|  | Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ | không | không |
|  | Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước | - Kinh phí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức, cá nhân đề nghị bảo đảm và chi trả.  - Mức chi áp dụng theo Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 25/11/2015. | Không |
|  | Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người. | Do tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả.  - Mức chi áp dụng theo Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 25/11/2015. | Không |
|  | Thủ tục đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, bộ, địa phương mạng, sức khỏe con người. | - Do tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả.  - Mức chi áp dụng theo Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 25/11/2015. | Không |
|  | Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, bộ, địa phương | không | không |
| **II** | **Lĩnh vực an toàn và bức xạ hạt nhân** |  |  |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) | - Thiết bị X-quang chụp răng (1 thiết bị): 2.000.000đ  - Thiết bị X-quang chụp vú (1 thiết bị): 2.000.000đ  - Thiết bị X-quang di động (1 thiết bị): 2.000.000đ  - Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường (1 thiết bị): 3.000.000đ  - Thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000đ  Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình (1 thiết bị): 5.000.000đ  - Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner) (1 thiết bị): 8.000.000đ  - Hệ thiết bị PET/CT (1 thiết bị): 16.000.000đ | Không |
|  | Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) | - Thiết bị X-quang chụp răng (1 thiết bị): 1.500.000đ  - Thiết bị X-quang chụp vú (1 thiết bị): 1.500.000đ  - Thiết bị X-quang di động (1 thiết bị): 1.500.000đ  - Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường (1 thiết bị): 2.250.000  - Thiết bị đo mật độ xương: 2.250.000  Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình (1 thiết bị): 3.750.000đ  - Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner) (1 thiết bị): 6.000.000đ  - Hệ thiết bị PET/CT (1 thiết bị): 12.000.000đ | Không |
|  | Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) | Không | Không |
|  | Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) | Không | Không |
|  | Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | Không | Không |
|  | Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế) | Không. | 200.000 đồng/1 chứng chỉ |
|  | Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế) | 500.000 đồng | Không |
| **III** | **Lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường chất lượng** |  |  |
|  | [Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=485455&Keyword=&filter=1&tthcLinhVuc=10490&capthuchien=1&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Khoa%20h%E1%BB%8Dc%20v%C3%A0%20C%C3%B4ng%20ngh%E1%BB%87" \t "_blank) | Không | 150.000 đồng/01 giấy đăng ký |
|  | [Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=485452&Keyword=&filter=1&tthcLinhVuc=10490&capthuchien=1&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Khoa%20h%E1%BB%8Dc%20v%C3%A0%20C%C3%B4ng%20ngh%E1%BB%87) | Không | 150.000 đồng/01 giấy đăng ký |
|  | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận | không | 150.000đ |
|  | Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh | không | 150.000đ |
|  | Thủ tục cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa | không | không |
|  | Thủ tục cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa | không | không |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa | không | không |
|  | Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng | không | không |
|  | Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng | không | không |
|  | Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ | không | không |
|  | Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu | không | không |
|  | [Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?ItemID=480221&Keyword=&filter=1&tthcLinhVuc=10490&capthuchien=1&tthcDonVi=B%E1%BB%99%20Khoa%20h%E1%BB%8Dc%20v%C3%A0%20C%C3%B4ng%20ngh%E1%BB%87) | không | không |
|  | Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận | không | không |
|  | Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định | không | không |
|  | Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp | không | không |
|  | Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia | không | không |
|  | Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu | không | không |
|  | Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu | không | không |
| **IV** | **Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ** |  |  |
|  | Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp | 250.000 đồng | không |
|  | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp | không | không |
|  | Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý) | không | không |
|  | Thủ tục đề nghị thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý) | không | không |
|  | Thủ tục đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý) | không | không |
|  | Thủ tục đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý) | không | không |